

**SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TTYT KHU VỰC BÌNH LONG**

Số: 09 /TB-TTYTKVBL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Long, ngày 04 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v mời chào giá thẩm định giá

Gói thầu: “Mua sắm hoá chất, vật tư sinh phẩm xét nghiệm giai đoạn 2025-2026”

Trung tâm Y tế khu vực Bình Long có nhu cầu tiếp nhận báo giá thẩm định giá gói thầu: “Mua sắm hoá chất, vật tư sinh phẩm xét nghiệm giai đoạn 2025-2026”.

Trung tâm Y tế khu vực Bình Long kính mời Quý công ty quan tâm, tham gia chào giá để làm căn cứ xây dựng giá dự toán gói thầu và kế hoạch tổ chức lựa chọn nhà thầu với các nội dung cụ thể sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Y tế khu vực Bình Long

Địa chỉ: Số 82, Phan Bội Châu, Phường Bình Long, Tỉnh Đồng Nai.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Trịnh Thị Hồng Nhung

Chức vụ: nhân viên

Điện thoại: 036.4413286

Gmail: phongtaichinhketoanbl.bp@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp hoặc thư tại địa chỉ: Số 82, đường Phan Bội Châu, Phường Bình Long, Tỉnh Đồng Nai.

- Nhận qua gmail: phongtaichinhketoanbl.bp@gmail.com (bản excel, scan có dấu đỏ)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 10h00, ngày 04 tháng 09 năm 2025 đến 10h00 ngày 17 tháng 09 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên, và không đúng mẫu quy định sẽ không được xem xét.(có mẫu báo giá kèm theo).

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 17 tháng 09 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. **Danh mục hàng hoá/dịch vụ mời chào giá:** Có phụ lục kèm theo
2. **Thời gian thực hiện hợp đồng:** 12 tháng
3. **Địa điểm thực hiện :** Trung tâm Y tế khu vực Bình Long, Số 82, Phan Bội Châu, Phường Bình Long, Tỉnh Đồng Nai.

4. Ghi chú:

- + Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có).
- + Bảng báo giá có ký tên đóng dấu bởi người địa diện theo pháp luật.
- + Phương thức thanh toán: chuyển khoản theo nghiệm thu công việc trong 90 ngày kể từ ngày phòng TCKT của Trung tâm Y tế nhận được chứng từ thanh toán hợp lệ.

+ Giấy phép đăng ký kinh doanh của Quý công ty

+ Hợp đồng đã thực hiện tương tự (nếu có)

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Website của TTYT;
- Lưu: VT, TCKT (Th1b).

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Ân

DANH MỤC GÓI THẦU**“MUA SẴM HOÁ CHẤT, VẬT TƯ SINH PHẨM XÉT NGHIỆM GIAI ĐOẠN 2025-2026”***(Kèm theo Thông báo số: 09 /TTYTKVBL ngày 14/8/2025 của TTYT khu vực Bình Long)*

STT	TÊN HÀNG	Thông số kỹ thuật đề xuất	Đơn vị tính	Số lượng
Hóa chất, vật tư tương thích với máy sinh hóa tự động CA400/ FURUNO				
1	Hóa chất xét nghiệm Glucose	- Dùng để xác định nồng độ Glucose trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và CSF. Phương pháp enzyme quang học, đo điểm cuối. - Thể tích tối thiểu ≥ 500ml hoá chất và có sẵn Std: Glucose Standard - Giới hạn phát hiện: ≤ 2.0 mg/dL - Độ tuyến tính: ≥ 500 mg/dl - Độ chính xác: $\geq 98\%$. - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	20.000
2	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	- Dùng để xác định nồng độ Cholesterol trong huyết thanh. Phương pháp đo điểm cuối. - Thể tích tối thiểu ≥ 500ml hoá chất và có sẵn Std: Cholesterol Std. Conc - Giới hạn phát hiện: $\leq 2,0$ mg/dl - Độ tuyến tính: ≥ 500 mg/dl - Độ chính xác: $\geq 98,0\%$ - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	20.000
3	Hóa chất xét nghiệm Triglycerid	- Dùng để xác định nồng độ Triglycerides trong huyết thanh. - Phương pháp đo điểm cuối - Thể tích tối thiểu ≥ 500ml hoá chất và có sẵn Std: Triglycerides standard concentration - Giới hạn phát hiện: ≤ 10 mg/dL - Độ tuyến tính: ≥ 1000 mg/dL - Độ chính xác: $\geq 98,0\%$. - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	20.000
4	Hóa chất xét nghiệm Urea	- Dùng để xác định nồng độ Urea trong huyết thanh, - Thể tích tối thiểu ≥ 250ml hoá chất và có sẵn Std: Standard concentration of Urea - Phương pháp đo màu enzyme Urease/ GLDH, đo thời gian cố định. - Giới hạn phát hiện: ≤ 3 mg/dl - Độ tuyến tính: ≥ 300 mg/dL - Độ chính xác: $\geq 98,0\%$. - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	20.000
5	Hóa chất xét nghiệm Creatinine	- Dùng để xác định nồng độ Creatinine trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu. - Thể tích tối thiểu ≥ 400ml hoá chất và có sẵn Std: Creatinine standard concentration - Giới hạn phát hiện: ≤ 1 mg/dl - Độ tuyến tính: ≥ 15 mg/dl. - Độ chính xác: $\geq 97,4\%$ - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	20.000



6	Hóa chất xét nghiệm HDLCholesterol	- Dùng để xác định nồng độ HDL Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương; - Thể tích tối thiểu $\geq 80\text{ml}$ hoá chất và có sẵn trong hộp Std HDL–C Direct Calibrator - Phương pháp đo điểm cuối - Giới hạn phát hiện: $\leq 4\text{ mg/dL}$ - Độ tuyến tính: $\geq 150\text{mg/dl}$ - Độ chính xác: $\geq 97,0\%$ - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	10.000
7	Hóa chất xét nghiệm LDLCholesterol	- Dùng để xác định nồng độ LDL Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương; - Thể tích tối thiểu $\geq 80\text{ml}$ hoá chất và có sẵn Std LDL–C Direct Calibrator - Phương pháp đo điểm cuối - Giới hạn phát hiện thấp nhất: $\leq 4\text{ mg/dL}$ - Độ tuyến tính: $\geq 500\text{ mg/dL}$ - Độ chính xác: $\geq 98,0\%$ - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	2.000
8	Hóa chất xét nghiệm GOT/AST	- Dùng để xác định nồng độ AST trong huyết thanh hoặc huyết tương; phương pháp đo động học - Thể tích tối thiểu $\geq 500\text{ml}$ hoá chất. - Giới hạn phát hiện: $\geq 0,5\text{ u/l}$ - Độ tuyến tính: $\geq 600\text{ U/L}$ - Độ chính xác: $\geq 97,0\%$ - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	20.000
9	Hóa chất xét nghiệm GPT/ALT	- Dùng để xác định nồng độ ALT trong huyết thanh hoặc huyết tương; - Thể tích tối thiểu $\geq 500\text{ml}$ hoá chất. - Giới hạn phát hiện: $\leq 0,5\text{ u/l}$ - Độ tuyến tính: $\geq 500\text{ U/L}$ - Độ chính xác: $\geq 98,0\%$ - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	20.000
10	Hóa chất xét nghiệm GGT	- Dùng để xác định nồng độ Gamma GT trong huyết thanh, đo động học. - Thể tích tối thiểu $\geq 50\text{ml}$ hoá chất. - Giới hạn phát hiện thấp nhất: $\leq 4\text{ U/L}$ - Độ tuyến tính: $\geq 200\text{ U/L}$ - Độ chính xác: $\geq 97,0\%$ - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	4.000
11	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	- Dùng để xác định định lượng Bilirubin trong huyết thanh hoặc huyết tương, Phương pháp : Colorimetric, Increasing Reaction, Endpoint (Sample Blank) - Thể tích tối thiểu $\geq 300\text{ml}$ hoá chất. - Giới hạn phát hiện thấp nhất: $0,05\text{ mg/dL}$ - Độ tuyến tính: $\geq 5\text{ mg/dL}$ - độ chính xác: $\geq 97\%$ - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	4.000

12	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin toàn phần	- Dùng để xác định định lượng Bilirubin trong huyết thanh hoặc huyết tương, Phương pháp đo điểm cuối. - Thể tích tối thiểu $\geq 200\text{ml}$ hoá chất. - Giới hạn phát hiện: $\leq 0,1 \text{ mg/dL}$ - Độ tuyến tính: $\geq 20 \text{ mg/dL}$ - Độ chính xác: $\geq 97\%$ - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	4.000
13	Hóa chất xét nghiệm Amylase	- Dùng để xác định định lượng Amylase trong huyết thanh hoặc huyết tương, Phương pháp đo động học. - Thể tích tối thiểu $\geq 100\text{ml}$ hoá chất. - Giới hạn phát hiện: $\leq 10 \text{ U/L}$ - Độ tuyến tính: $\geq 1500 \text{ U/L}$ - Độ chính xác: $\geq 97\%$ - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	4.000
14	Hoá chất xét nghiệm định lượng Protein	- Dùng để xác định định lượng tổng Protein trong huyết thanh hoặc huyết tương, Phương pháp đo điểm cuối. - Thể tích tối thiểu $\geq 200\text{ml}$ hoá chất và có sẵn Std: Total protein standard - Độ tuyến tính: $\geq 12 \text{ g/dL}$ - Giới hạn phát hiện: $\leq 0,5 \text{ g/dL}$ - Độ chính xác: $\geq 97\%$ - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	4.000
15	Hóa chất xét nghiệm Albumin	- Dùng để xác định định lượng Amylase trong huyết thanh hoặc huyết tương, - Thể tích tối thiểu $\geq 200\text{ml}$ hoá chất và có sẵn trong hộp Albumin standard - Phương pháp đo điểm cuối. - Độ tuyến tính: $\geq 6 \text{ g/dL}$ - Giới hạn phát hiện: $\leq 0,1 \text{ g/dL}$ - Độ chính xác: $\geq 97\%$ - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	4.000
16	Hóa chất xét nghiệm acid uric	- Thuốc thử này được sử dụng để định lượng acid uric trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Phương pháp đo điểm cuối, - Thể tích tối thiểu $\geq 400\text{ml}$ hoá chất và có sẵn trong hộp Uric acid Standard - Giới hạn phát hiện: $\leq 0,5 \text{ mg/dL}$ - Độ tuyến tính $\geq 20 \text{ mg/dL}$ - Độ chính xác: $\geq 97\%$. - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	10.000
17	Hoá chất xét nghiệm định lượng CRP_hs	- Dùng để định lượng định lượng C-reactive protein (CRP_hs) trong huyết thanh người, Phương pháp miễn dịch đo độ đục tăng cường latex có sẵn trong hộp hoá chất Calid - Giới hạn phát hiện: $\leq 1.0 \text{ mg/L}$ - Độ tuyến tính: $\geq 10 \text{ mg/L}$ - Độ chính xác: $\geq 97\%$ - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	10.000

18	Hoá chất xét nghiệm định lượng Ethanol	- Xét nghiệm nồng độ cồn trong máu. - Độ nhạy: 0,10 g/l. - Độ tuyến tính: $\geq 3,5$ g/l (76 mmol/L) - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	2.000
19	Hoá chất kiểm chuẩn Ethanol mức 1	- Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol - Tương thích với máy sinh hóa tự động CA400	ml	50
20	Hoá chất kiểm chuẩn Ethanol mức 2	- Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol - Tương thích với máy sinh hóa tự động CA401	ml	50
21	Hoá chất xét nghiệm định lượng CK-MB	- Dùng để định lượng CK-MB trong huyết thanh người, Phương pháp đo động học. - Thể tích tối thiểu ≥ 40 ml hoá chất, - Giới hạn phát hiện: ≤ 4 U/L - Độ tuyến tính: ≥ 600 U/L. - Độ chính xác: $\geq 97\%$ - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	2.000
22	Hóa kiểm chuẩn cho máy xét nghiệm sinh hóa mức bình thường	- Kiểm tra đa thông số bao gồm cả CK Nac và CK-MB; HDL; LDL - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	200
23	Hóa chất kiểm chuẩn cho máy xét nghiệm sinh hóa mức bệnh lý	- Kiểm tra đa thông số bao gồm cả CK Nac và CK-MB; HDL; LDL - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	200
24	Hóa chất rửa máy sinh hóa	- Dùng để làm sạch kim hút mẫu và cuvette trên máy phân tích sinh hóa tự động. - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	4.000
25	Cuvette dùng cho máy sinh hoá	- Cuvette tương thích với máy xét nghiệm sinh hoá tự động - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	cái	100
26	Sample cup	- Cup nhựa, dùng một lần, tương thích với máy xét nghiệm sinh hoá tự động - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	cái	10.000

Hóa chất, vật tư tương thích với máy điện giải Eschweiler GmbH & Co. KG

27	Dung dịch hiệu chuẩn	Chất hiệu chuẩn đủ cho các thông số đo K ⁺ ; Na ⁺ ; Ca ⁺⁺ ; pH; Cl ⁻ phù hợp máy Eschweiler GmbH & Co. KG; Model: CL 345678	ml	10.000
28	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa máy điện giải, phù hợp máy Eschweiler GmbH & Co. KG; Model: CL 345680	ml	10.000

Hóa chất tương thích với Máy xét nghiệm Huyết học tự động UniceL DxH 600 BD12640

29	Dung dịch pha loãng	- Dung dịch pha loãng (đệm đẳng trương), được sử dụng kết hợp với tác nhân ly giải trong xét nghiệm để đếm và định cỡ các tế bào máu trên hệ thống phân tích tế bào tự động. - Tương thích với máy huyết học tự động Unicel DxH 600 BD12640 - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	2.000.000
30	Dung dịch ly giải	- Dung dịch ly giải hồng cầu được dùng cho xét nghiệm định lượng hemoglobin, xác định số lượng NRBC, đếm và định cỡ bạch cầu trên các máy xét nghiệm tế bào tự động. - Tương thích với máy huyết học tự động Unicel DxH 600 BD12640 - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	60.000
31	Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu) cho xét nghiệm huyết học	- Hóa chất ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu tạo mẫu để thực hiện xét nghiệm phân tích công thức bạch cầu. - Tương thích với máy huyết học tự động Unicel DxH 600 BD12640 - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	40.000
32	Dung dịch rửa	- Dung dịch rửa được sử dụng để làm sạch các bộ phận tiếp xúc với mẫu máu trong hệ thống phân tích tế bào tự động. - Tương thích với máy huyết học tự động Unicel DxH 600 BD12640 - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	150.000
33	Chất kiểm chuẩn	- Chất kiểm chuẩn được sử dụng để giám sát hiệu năng của máy xét nghiệm huyết học tự động. - Tương thích với máy huyết học tự động Unicel DxH 600 BD12640 - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	250
34	Chất kiểm chuẩn máy dùng hiệu chỉnh thông số VCS trên máy phân tích huyết học	- Chất kiểm chuẩn được sử dụng để theo dõi giá trị phép đo các thông số về thể tích, độ dẫn, tán xạ ánh sáng trên hệ thống phân tích tế bào tự động. - Tương thích với máy huyết học tự động Unicel DxH 600 BD12640 - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	12
35	Chất chuẩn	- Chất hiệu chuẩn dùng để xác định các hệ số hiệu chuẩn cho hệ thống phân tích tế bào tự động. - Tương thích với máy huyết học tự động Unicel DxH 600 BD12640 - Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	5

Hóa chất, vật tư tương thích với Máy xét nghiệm đông máu STAGO SATELLITE				
36	Hóa chất Xét nghiệm PT	Tương thích với máy xét nghiệm đông máu Satellite Max Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	720
37	Hóa chất Xét nghiệm APTT	Hóa chất dùng xác định thời gian hoạt hóa thromboplastin từng phần (APTT) trong huyết tương. Tương thích với máy xét nghiệm đông máu Satellite Max Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	720
38	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen: Tương thích với máy xét nghiệm đông máu Satellite Max Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	300
39	Hóa chất xét nghiệm D-Dimer 2 kháng thể đơn dòng	Định lượng D-Dimer huyết tương tĩnh mạch Tương thích với máy xét nghiệm đông máu Satellite Max Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	60
40	Chất nội kiểm xét nghiệm D-Dimer	Tương thích với máy xét nghiệm đông máu Satellite Max Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	25
41	Cồng đo mẫu	Cồng nhựa dùng 1 lần, Tương thích với máy xét nghiệm đông máu Satellite Max Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	Cái	12.000
42	Dung dịch khử nhiễm cho các dòng máy phân tích đông máu tự động.	Chứa KOH, hóa chất kháng nấm và kháng vi sinh vật. Tương thích với máy xét nghiệm đông máu Satellite Max Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	1.500
43	Nội kiểm đông máu thường quy	Tương thích với máy xét nghiệm đông máu Satellite Max Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	200
44	Dung dịch pha loãng mẫu đông máu	Dung dịch pha loãng cho xét nghiệm đông máu Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	1500
45	Dung dịch lỏng Canxi Clorua	Dung dịch loãng Canxi Clorua dùng cho các xét nghiệm đông máu Tương thích với máy xét nghiệm đông máu Satellite Max Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	1.500
46	Dung dịch rửa hệ thống được pha sẵn chuẩn hóa cho các dòng máy phân tích đông máu tự động.	Dung dịch rửa pha sẵn, có thành phần là hóa chất diệt nấm pha loãng trong dung môi nước. Tương thích với máy xét nghiệm đông máu Satellite Max Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	30.000
Hóa chất tương thích với Máy huyết học Mispa Count Plus				

47	Dung dịch pha loãng	- Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Mispa Count Plus - Thành phần: + Boric Acid + Sodium Chloride + Sodium Sulphate -Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	720.000
48	Dung dịch ly giải	- Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Mispa Count Plus - Thành phần: + Dodecyl Trimethyl Ammonium Chloride: + Dodecyl Trimethyl Ammonium Bromide: -Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	48.000
49	Dung dịch rửa	- Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Mispa Count Plus - Thành phần: + Boric Acid: + Sodium Chloride: + Sodium Sulphate: -Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	48.000
50	Dung dịch rửa đậm đặc	- Dung dịch rửa kim hút mẫu, rửa buồng đếm và hệ thống quang, tương thích với máy huyết học Mispa Count Plus. - Thành phần: + Surfactant: + Sodium hypochlorite: + Sodium chloride: -Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	400
51	Máu chuẩn	- Dung dịch máu chuẩn dùng cho máy huyết học. Tương thích với máy huyết học Mispa Count Plus. -Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	110
Hóa chất tương thích với Máy Huyết học tự động 18 thông số Sysmex XP 100				
52	Dung dịch pha loãng	- Dung dịch pha loãng mẫu dùng cho máy huyết học Sysmex XP100 - Thành phần: + Sodium Chloride + Potassium Chloride + Buffer -Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	960.000
53	Dung dịch ly giải	- Hóa chất ly giải dùng cho máy huyết học Sysmex XP100 - Thành phần: + Quaternary Ammonium + Sodium Lauryl Sulfate -Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	36.000

54	Dung dịch rửa máy	-Được sử dụng để làm sạch cụm bề đếm RBC & WBC, kim, ống nhựa và van cho máy phân tích dòng . Dùng cho máy huyết học Sysmex XP100 - Thành phần: Protease -Tiêu chí ISO 13485/ ISO 9001 hoặc tương đương	ml	600
	Tổng cộng: 54 khoản			